

Số: 354 /BC-SNV

Quảng Ngãi, ngày 01 tháng 10 năm 2026

BÁO CÁO

**Đánh giá thực trạng quan hệ xã hội có liên quan đến dự thảo
Nghị quyết sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 45/2026/NQ-
HĐND ngày 30/5/2026 của Hội đồng nhân dân tỉnh**

Thực hiện quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, Sở Nội vụ báo cáo đánh giá thực trạng quan hệ xã hội có liên quan đến dự thảo Nghị quyết sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 45/2026/NQ-HĐND ngày 30 tháng 5 năm 2026 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quy định mức phụ cấp, mức hỗ trợ, việc kiêm nhiệm chức danh, phụ cấp kiêm nhiệm đối với người hoạt động không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố, các chức danh tham gia hoạt động ở thôn, tổ dân phố trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi (*sau đây gọi tắt là dự thảo Nghị quyết*), với nội dung là bổ sung chính sách hỗ trợ hàng tháng đối với người hoạt động không chuyên trách và người tham gia hoạt động ở thôn, tổ dân phố có quy mô số hộ gia đình từ 300% trở lên so với tiêu chuẩn quy định của Chính phủ, cụ thể như sau:

I. BỐI CẢNH THỰC HIỆN ĐÁNH GIÁ

1. Bối cảnh ban hành và tổ chức thực hiện Nghị quyết số 45/2026/NQ-HĐND

Thực hiện Nghị định số 185/2026/NĐ-CP ngày 26/5/2026 của Chính phủ quy định về tổ chức, hoạt động của thôn, tổ dân phố và chế độ, chính sách đối với người hoạt động không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố, Hội đồng nhân dân tỉnh đã ban hành Nghị quyết số 45/2026/NQ-HĐND ngày 30/5/2026 quy định mức phụ cấp, mức hỗ trợ, việc kiêm nhiệm chức danh, phụ cấp kiêm nhiệm đối với người hoạt động không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố và các chức danh tham gia hoạt động ở thôn, tổ dân phố trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi.

Nghị quyết số 45/2026/NQ-HĐND được ban hành trong bối cảnh các quy định mới của Trung ương về tổ chức, hoạt động của thôn, tổ dân phố và chế độ, chính sách đối với lực lượng ở cơ sở cần được triển khai đồng bộ, kịp thời từ ngày 01/6/2026. Việc ban hành Nghị quyết là cần thiết nhằm cụ thể hóa quy định của Chính phủ, tạo cơ sở pháp lý để thực hiện thống nhất các chế độ, chính sách đối với người hoạt động không chuyên trách và các chức danh tham gia hoạt động ở thôn, tổ dân phố trên địa bàn tỉnh.

Đồng thời, việc ban hành Nghị quyết còn nhằm kịp thời thực hiện các quy định mới về đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc đối với người hoạt động không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố và đáp ứng yêu cầu rà soát, sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ, thay thế hoặc ban hành mới các văn bản quy phạm pháp luật của địa phương chịu tác động của việc sắp xếp tổ chức bộ máy theo yêu cầu tại Công văn số 6243/BTP-KTVB&QLXLVPHC ngày 06/10/2025 của Bộ Tư pháp. Do yêu cầu hoàn thiện chính sách trong thời gian ngắn để triển khai đồng bộ từ ngày 01/6/2026, Nghị quyết số 45/2026/NQ-HĐND trước hết tập trung xác lập mặt bằng chính sách chung theo chức danh, bảo đảm tính thống nhất trong tổ chức thực hiện và phù hợp với quy định của Chính phủ và nguồn lực ngân sách địa phương. Tại thời điểm xây dựng Nghị quyết, tỉnh đồng thời đang triển khai việc sắp xếp, tổ chức lại thôn, tổ dân phố theo Chỉ thị số 21/CT-TTg ngày 20/5/2026 của Thủ tướng Chính phủ và Nghị định số 185/2026/NĐ-CP. Vì vậy, chưa có đầy đủ điều kiện thực tiễn để xây dựng một cơ chế hỗ trợ riêng dựa trên sự khác biệt về quy mô dân cư của từng thôn, tổ dân phố sau sắp xếp.

Như vậy, Nghị quyết số 45/2026/NQ-HĐND đã kịp thời đáp ứng yêu cầu quản lý, điều hành và triển khai chính sách trong giai đoạn chuyển tiếp. Tuy nhiên, sau khi việc sắp xếp, tổ chức lại thôn, tổ dân phố theo Nghị định số 185/2026/NĐ-CP ngày 26/5/2026 của Chính Phủ, Chỉ thị số 21/CT-TTg ngày 20/5/2026 của Thủ tướng Chính phủ trên địa bàn tỉnh và số liệu về quy mô dân cư được rà soát, thực tiễn đã xuất hiện những điều kiện mới cần được tiếp tục đánh giá để bảo đảm chính sách phù hợp với tình hình thực tế.

2. Các chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách của Nhà nước liên quan đến quan hệ xã hội

2.1. Những thay đổi về quy mô thôn, tổ dân phố sau sắp xếp

Việc sắp xếp, tổ chức lại thôn, tổ dân phố theo Kết luận số 34-KL/TW ngày 18/5/2026 của Bộ Chính trị, Nghị định số 185/2026/NĐ-CP ngày 26/5/2026 của Chính Phủ, Chỉ thị số 21/CT-TTg ngày 20/5/2026 của Thủ tướng Chính phủ trên địa bàn tỉnh được thực hiện nhằm tiếp tục kiện toàn tổ chức ở cơ sở, bảo đảm quy mô phù hợp theo quy định và nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động của hệ thống chính trị ở cơ sở.

Sau sắp xếp, toàn tỉnh Quảng Ngãi có **1.098 thôn, tổ dân phố**; đã thực hiện sắp xếp, tổ chức lại **1.190 thôn, tổ dân phố thành 578 thôn, tổ dân phố**, giảm **612 đơn vị**; có **520 thôn, tổ dân phố không thực hiện sắp xếp** do đã đáp ứng tiêu chuẩn theo quy định. Qua rà soát, các thôn, tổ dân phố sau sắp xếp cơ bản bảo đảm tiêu chuẩn theo quy định của Chính phủ.

Việc sắp xếp đã làm thay đổi đáng kể quy mô dân cư của một số thôn, tổ dân phố. Đặc biệt, việc hợp nhất nhiều đơn vị dân cư trước đây thành một đơn vị mới làm tăng số lượng hộ gia đình, nhân khẩu và phạm vi cộng đồng dân cư tại một số

địa bàn. Sự thay đổi này không chỉ có ý nghĩa về mặt tổ chức đơn vị dân cư mà còn làm thay đổi điều kiện thực hiện nhiệm vụ của đội ngũ trực tiếp hoạt động tại thôn, tổ dân phố, nhất là về phạm vi tiếp cận, tuyên truyền, vận động Nhân dân, nắm bắt tình hình, tổ chức các hoạt động cộng đồng và phối hợp giải quyết công việc với chính quyền cấp xã.

2.2. Hình thành nhóm thôn, tổ dân phố có quy mô dân cư lớn

Qua rà soát sau sắp xếp, toàn tỉnh có **97 thôn, tổ dân phố có quy mô số hộ gia đình từ 300% trở lên so với quy mô chuẩn**, trong đó có **82 thôn, tổ dân phố từ 300% đến dưới 500%** và **15 thôn, tổ dân phố từ 500% trở lên so với chuẩn** quy định.

Đây là nhóm địa bàn có sự chênh lệch đáng kể về quy mô dân cư so với mặt bằng chung. Sự khác biệt này đặt ra yêu cầu xem xét lại mức độ phù hợp của chính sách hiện hành, bởi cùng một chức danh, cùng phạm vi nhiệm vụ cơ bản nhưng điều kiện thực hiện nhiệm vụ có thể khác nhau đáng kể tùy thuộc vào quy mô dân cư và đặc điểm từng địa bàn.

Quy mô dân cư không phải là yếu tố duy nhất quyết định khối lượng công việc ở thôn, tổ dân phố, bởi còn phụ thuộc vào địa bàn, địa hình, điều kiện kinh tế - xã hội, đặc điểm dân cư và yêu cầu quản lý của từng địa phương. Tuy nhiên, đây là yếu tố khách quan, có thể xác định bằng tiêu chí cụ thể và có mối liên hệ với phạm vi phục vụ, số lượng đối tượng cần tiếp cận và điều kiện thực hiện nhiệm vụ của các chức danh ở cơ sở. Vì vậy, việc sử dụng quy mô số hộ gia đình làm tiêu chí để nghiên cứu chính sách hỗ trợ là có cơ sở thực tiễn.

II. THỰC TRẠNG QUAN HỆ XÃ HỘI CẦN ĐƯỢC ĐIỀU CHỈNH

1. Quan hệ xã hội chưa có quy định của tỉnh điều chỉnh liên quan đến dự thảo Nghị quyết

Sau sắp xếp, quan hệ giữa người hoạt động không chuyên trách, người tham gia hoạt động ở thôn, tổ dân phố với cộng đồng dân cư và chính quyền cấp xã tiếp tục được duy trì thường xuyên, trực tiếp; tuy nhiên, điều kiện thực hiện quan hệ này đã có sự thay đổi tại những địa bàn có quy mô dân cư lớn. Người đảm nhiệm các chức danh ở thôn, tổ dân phố là lực lượng trực tiếp gắn với cộng đồng, thực hiện nhiệm vụ tuyên truyền, vận động Nhân dân, nắm bắt tình hình, tổ chức các hoạt động cộng đồng, tiếp nhận và phản ánh ý kiến, kiến nghị của Nhân dân, phối hợp với chính quyền cấp xã trong triển khai nhiệm vụ và xử lý các vấn đề phát sinh tại địa bàn. Khi quy mô số hộ gia đình tăng lên đáng kể, phạm vi cộng đồng dân cư cần tiếp cận và phục vụ cũng mở rộng, từ đó đặt ra yêu cầu cao hơn về tổ chức thực hiện nhiệm vụ, mức độ phối hợp và thời gian dành cho công việc tại cơ sở.

Trong khi đó, Nghị quyết số 45/2026/NQ-HĐND hiện quy định chính sách chủ yếu theo chức danh và chưa có cơ chế hỗ trợ bổ sung gắn với mức độ vượt chuẩn

về quy mô dân cư. Nghị quyết số 45/2026/NQ-HĐND được ban hành phù hợp với yêu cầu trong thời điểm chuyển tiếp và khi việc sắp xếp thôn, tổ dân phố chưa hoàn tất; tuy nhiên, sau khi việc sắp xếp đã được thực hiện và số liệu thực tế đã được xác định, sự khác biệt về quy mô giữa các địa bàn đã trở nên rõ hơn. Đặc biệt, 118 thôn, tổ dân phố có quy mô từ 300% trở lên đã hình thành một nhóm địa bàn có đặc điểm khác biệt tương đối rõ về quy mô dân cư. Từ thực tế trên cho thấy, cần bổ sung cơ chế hỗ trợ có trọng tâm đối với những địa bàn có quy mô dân cư lớn, nhằm phản ánh phù hợp hơn điều kiện thực hiện nhiệm vụ của lực lượng trực tiếp hoạt động ở cơ sở.

2. Lý do cần có quy định của tỉnh điều chỉnh quan hệ xã hội

Việc ban hành quy định bổ sung là cần thiết để chính sách tiếp tục được cập nhật theo điều kiện thực tế sau sắp xếp, nhất là đối với những địa bàn có quy mô dân cư lớn. Quy mô số hộ gia đình là một trong những yếu tố khách quan có liên quan đến phạm vi phục vụ và điều kiện thực hiện nhiệm vụ của các chức danh ở thôn, tổ dân phố; do đó, việc nghiên cứu cơ chế hỗ trợ đối với nhóm có quy mô từ 300% trở lên nhằm tạo sự phù hợp hơn giữa điều kiện thực tế của địa bàn và chính sách hỗ trợ. Chính sách được thiết kế có trọng tâm, chỉ áp dụng đối với nhóm thôn, tổ dân phố có quy mô từ 300% trở lên, qua đó tập trung nguồn lực vào những địa bàn có mức độ chênh lệch lớn, xác định rõ phạm vi đối tượng và kiểm soát được tác động đến ngân sách địa phương.

Việc nghiên cứu, đề xuất chính sách này cũng xuất phát từ các chủ trương, chỉ đạo cụ thể của cấp có thẩm quyền của tỉnh, cụ thể:

- Tại mục 3 Kết luận số 1001-KL/TU ngày 10/6/2026 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về Phương án tổng thể sắp xếp, tổ chức lại thôn, tổ dân phố trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi: “3. *Giao Ban Thường vụ Đảng ủy Ủy ban nhân dân tỉnh lãnh đạo, chỉ đạo: (4) Khẩn trương lãnh đạo, chỉ đạo nghiên cứu, đề xuất nâng mức hỗ trợ đối với người hoạt động không chuyên trách ở các thôn, tổ dân phố có quy mô dân cư lớn vượt từ 300% đến trên 400% so với chuẩn quy định của Chính phủ*”.

- Tại Công văn số 757-CV/TU ngày 06/8/2026 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về tiếp tục thực hiện Đề án số 10-ĐA/TU ngày 27/5/2026 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về thực hiện mô hình “Dân tin - Đảng cử” trên địa bàn tỉnh; trong đó giao Đảng ủy Ủy ban nhân dân tỉnh tiếp tục chỉ đạo lãnh đạo, chỉ đạo nghiên cứu, đề xuất nâng mức hỗ trợ đối với người hoạt động không chuyên trách ở các thôn, tổ dân phố có quy mô dân cư lớn (*vượt từ 300% trở lên so với chuẩn quy định của Chính phủ*).

- Tại mục 2 Công văn số 2431-CV/ĐU ngày 07/8/2026 của Ban Thường vụ Đảng ủy UBND tỉnh về tiếp tục thực hiện Đề án số 10-ĐA/TU ngày 27/5/2026 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về thực hiện mô hình “*Dân tin - Đảng cử*” trên địa bàn tỉnh: “*Lãnh đạo, chỉ đạo nghiên cứu, đề xuất nâng mức hỗ trợ đối với người hoạt động*

không chuyên trách ở các thôn, tổ dân phố có quy mô dân cư lớn (vượt từ 300% trở lên so với chuẩn quy định của Chính phủ). ”

- Tại Công văn số 8959/UBND-NC ngày 31/8/2026 của UBND tỉnh về việc tiếp tục thực hiện Đề án số 10-ĐA/TU ngày 27/5/2026 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về thực hiện mô hình "Dân tin - Đảng cử" trên địa bàn tỉnh. Như vậy, việc nghiên cứu, đề xuất cơ chế hỗ trợ đối với người hoạt động không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố có quy mô dân cư lớn vừa xuất phát từ yêu cầu thực tiễn sau sắp xếp, vừa được đặt ra trên cơ sở các chủ trương, chỉ đạo cụ thể của Ban Thường vụ Tỉnh ủy và Ban Thường vụ Đảng ủy UBND tỉnh. Đây là cơ sở chính trị và thực tiễn quan trọng để tỉnh nghiên cứu hoàn thiện chính sách theo hướng phù hợp hơn với điều kiện thực hiện nhiệm vụ tại cơ sở.

Chính sách dự kiến bổ sung có cùng đối tượng, cùng lĩnh vực điều chỉnh và có mối liên hệ trực tiếp với các nội dung đang được quy định tại Nghị quyết số 45/2026/NQ-HĐND. Vì vậy, việc sửa đổi, bổ sung Nghị quyết số 45/2026/NQ-HĐND là phù hợp hơn so với việc ban hành một văn bản chính sách riêng, bảo đảm tính kế thừa, đồng bộ của hệ thống chính sách và thuận lợi trong tổ chức thực hiện, theo dõi, kiểm tra, tổng hợp nhu cầu kinh phí. Việc sửa đổi không làm thay đổi căn bản chính sách hiện hành mà nhằm bổ sung một cơ chế hỗ trợ có mục tiêu, trên cơ sở những điều kiện thực tế mới đã được xác định sau sắp xếp. Cách tiếp cận này vừa bảo đảm tính ổn định của chính sách đã ban hành, vừa tạo điều kiện để chính sách thích ứng với sự thay đổi về quy mô dân cư và yêu cầu thực hiện nhiệm vụ tại cơ sở.

3. Thẩm quyền ban hành các quy định để điều chỉnh quan hệ xã hội

Khoản 2 Điều 15 Nghị định số 185/2026/NĐ-CP quy định việc xác định mức phụ cấp, mức hỗ trợ đối với các chức danh ở thôn, tổ dân phố được xem xét trên cơ sở khả năng cân đối của ngân sách địa phương và đặc thù của thôn, tổ dân phố trên địa bàn. Đây là cơ sở để địa phương nghiên cứu, hoàn thiện chính sách phù hợp với điều kiện thực tế.

Việc quy định mức phụ cấp, mức hỗ trợ đối với người hoạt động không chuyên trách và các chức danh tham gia hoạt động ở thôn, tổ dân phố thuộc phạm vi chính sách của địa phương, được thực hiện theo thẩm quyền của Hội đồng nhân dân tỉnh trên cơ sở quy định của pháp luật có liên quan và khả năng cân đối ngân sách địa phương. Do đó, việc sửa đổi, bổ sung Nghị quyết số 45/2026/NQ-HĐND để bổ sung chính sách hỗ trợ đối với các thôn, tổ dân phố có quy mô dân cư từ 300% trở lên do HĐND tỉnh ban hành phù hợp về phạm vi điều chỉnh và là cơ sở để thiết lập căn cứ pháp lý thống nhất cho việc tổ chức thực hiện trên địa bàn tỉnh.

III. ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ

Trên cơ sở kết quả đánh giá thực trạng quan hệ xã hội, kết quả sắp xếp thôn, tổ dân phố và yêu cầu hoàn thiện chính sách sau sắp xếp, Sở Nội vụ đề xuất, kiến nghị:

1. Về chính sách hỗ trợ

Tiếp tục hoàn thiện dự thảo Nghị quyết sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 45/2026/NQ-HĐND theo hướng bổ sung chính sách hỗ trợ hằng tháng đối với người hoạt động không chuyên trách và các chức danh tham gia hoạt động ở thôn, tổ dân phố thuộc các đơn vị có quy mô số hộ gia đình từ 300% trở lên so với quy mô chuẩn.

Việc bổ sung chính sách cần được thiết kế theo hướng có trọng tâm, không làm thay đổi toàn bộ mặt bằng chính sách hiện hành, mà tập trung hỗ trợ đối với nhóm địa bàn có quy mô dân cư lớn, qua đó tạo sự phù hợp hơn giữa điều kiện thực tế, yêu cầu thực hiện nhiệm vụ và chính sách hỗ trợ.

2. Về tiêu chí xác định

Quy định rõ tiêu chí thôn, tổ dân phố có quy mô số hộ gia đình từ 300% trở lên so với quy mô chuẩn để làm căn cứ xác định địa bàn thuộc diện hưởng chính sách. Việc xác định phải dựa trên số liệu được cơ quan có thẩm quyền rà soát, tổng hợp và xác nhận, bảo đảm khách quan, thống nhất và có thể kiểm tra, đối chiếu.

Đối với 118 thôn, tổ dân phố đã được rà soát, gồm 87 đơn vị từ 300% đến dưới 500% và 31 đơn vị từ 500% trở lên, cần tiếp tục cập nhật, đối chiếu số liệu tại thời điểm chính sách được triển khai và trong quá trình thực hiện khi có biến động làm thay đổi điều kiện hưởng chính sách.

3. Về đối tượng hưởng

Xác định cụ thể người hoạt động không chuyên trách và các chức danh tham gia hoạt động ở thôn, tổ dân phố có quy mô số hộ gia đình từ 300% trở lên so với quy mô chuẩn thuộc phạm vi được hưởng hỗ trợ, trên cơ sở chức danh và nhiệm vụ thực tế đang đảm nhiệm; bảo đảm không mở rộng đối tượng ngoài phạm vi cần thiết và không làm phát sinh hưởng trùng, chồng chéo với các chế độ, chính sách khác có cùng tính chất.

4. Về mức hỗ trợ

Nghiên cứu mức hỗ trợ theo hướng có sự phân hóa phù hợp với mức độ vượt chuẩn về quy mô dân cư, đồng thời bảo đảm tương quan với mặt bằng chính sách hiện hành và khả năng cân đối ngân sách. Trường hợp phân thành các nhóm quy mô khác nhau, cần xác định rõ ngưỡng và mức hỗ trợ tương ứng, bảo đảm dễ xác định, dễ thực hiện và hạn chế cách hiểu khác nhau.

5. Về nguồn kinh phí

Kinh phí thực hiện chính sách được bảo đảm từ ngân sách tỉnh theo phân cấp ngân sách hiện hành và được bố trí trong dự toán ngân sách hằng năm theo quy định. Mức hỗ trợ cần được xác định đồng thời với việc tính toán đầy đủ số lượng đơn vị, đối tượng hưởng và nhu cầu kinh phí, làm cơ sở đánh giá tác động ngân sách và bảo đảm tính khả thi của chính sách.

Trên đây là Báo cáo đánh giá thực trạng quan hệ xã hội có liên quan đến dự thảo Nghị quyết sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 45/2026/NQ-HĐND ngày 30/5/2026 của Hội đồng nhân dân tỉnh. Sở Nội vụ kính báo cáo HĐND tỉnh, Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định./.

Nơi nhận:

- Thường trực Tỉnh ủy (báo cáo);
- HĐND tỉnh (báo cáo);
- UBND tỉnh (báo cáo);
- Sở Nội vụ: GD; PGD (đ/c H.V.Tính);
- Lưu: VT, XDCQ



**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

Hà Văn Tính



1. Chủ trương, đường lối của Đảng có liên quan đến chính sách/dự thảo

CHỦ TRƯỞNG, ĐƯỜNG LỐI CỦA ĐẢNG	CHÍNH SÁCH/ QUY ĐỊNH CỦA DỰ THẢO	ĐÁNH GIÁ (Đã thể chế đầy đủ hoặc một phần)	ĐỀ XUẤT XỬ LÝ
Tại khoản 2 Điều 15 Nghị định số 185/2026/NĐ-CP của Chính phủ quy định: “2. Căn cứ vào quỹ phụ cấp được ngân sách nhà nước khoán cho mỗi thôn, tổ dân phố quy định tại khoản 1 Điều này; khả năng cân đối của ngân sách địa phương; quy định của pháp luật có liên quan và đặc thù của các thôn, tổ dân phố trên địa bàn, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trình Hội đồng nhân dân cùng cấp quy định cụ thể những nội dung sau: a) Mức phụ cấp của từng chức danh người hoạt động không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố.”	Dự thảo Nghị quyết bổ sung chính sách hỗ trợ hằng tháng đối với người hoạt động không chuyên trách và người tham gia hoạt động ở thôn, tổ dân phố có quy mô số hộ gia đình từ 300% trở lên so với tiêu chuẩn quy định của Chính phủ.	Đã thể chế hóa về cơ bản. Dự thảo đã cụ thể hóa quy định của Chính phủ thành chính sách hỗ trợ cụ thể phù hợp với thực tế.	Tiếp tục rà soát, hoàn thiện tiêu chí xác định đối tượng, mức hỗ trợ và phạm vi áp dụng; bảo đảm phù hợp với tình hình thực tiễn và khả năng cân đối ngân sách địa phương.
Kết luận số 1001-KL/TU ngày 10/6/2026, Công văn số 757-CV/TU ngày 06/8/2026 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy và Công văn số 2431-CV/ĐU ngày 07/8/2026 của Ban Thường vụ Đảng ủy UBND tỉnh về nghiên cứu, đề xuất nâng mức hỗ trợ đối với người hoạt động không chuyên trách ở các thôn, tổ dân phố có quy mô dân cư lớn, vượt từ 300% đến trên 400% so với chuẩn quy định của Chính phủ.	Dự thảo Nghị quyết bổ sung chính sách hỗ trợ hằng tháng đối với người hoạt động không chuyên trách và người tham gia hoạt động ở thôn, tổ dân phố có quy mô số hộ gia đình từ 300% trở lên so với tiêu chuẩn quy định của Chính phủ.	Đã thể chế hóa về cơ bản. Dự thảo đã cụ thể hóa chủ trương của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Ban Thường vụ Đảng ủy UBND tỉnh thành chính sách hỗ trợ cụ thể phù hợp với thực tế và chủ trương tiếp tục được chỉ đạo tại các văn bản sau đó.	Tiếp tục rà soát, hoàn thiện tiêu chí xác định đối tượng, mức hỗ trợ và phạm vi áp dụng; bảo đảm phù hợp với chủ trương của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Ban Thường vụ Đảng ủy UBND tỉnh và khả năng cân đối ngân sách địa phương.

2. Văn bản quy phạm pháp luật có liên quan đến dự thảo Nghị quyết

QUY ĐỊNH CỦA DỰ THẢO VĂN BẢN	QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH CÓ LIÊN QUAN	ĐÁNH GIÁ (Tính hợp hiến, tính hợp pháp, tính thống nhất)	ĐỀ XUẤT XỬ LÝ
Bổ sung chính sách hỗ trợ hàng tháng đối với người hoạt động không chuyên trách và người tham gia hoạt động ở thôn, tổ dân phố có quy mô số hộ gia đình từ 300% trở lên so với tiêu chuẩn quy định của Chính phủ.	Khoản 2 Điều 15 Nghị định số 185/2026/NĐ-CP quy định UBND cấp tỉnh trình HĐND cùng cấp căn cứ quỹ phụ cấp, khả năng cân đối ngân sách, pháp luật có liên quan và đặc thù của các thôn, tổ dân phố để quy định mức phụ cấp, mức hỗ trợ và các nội dung liên quan.	Phù hợp về thẩm quyền và cơ sở pháp lý. Dự thảo sử dụng yếu tố quy mô hộ gia đình như một tiêu chí xác định địa bàn có tính đặc thù để thực hiện hỗ trợ. Không trái với nguyên tắc phân định thẩm quyền của Chính phủ.	Giữ quy định; tiếp tục rà soát mức hỗ trợ, đối tượng hưởng và nguồn kinh phí để bảo đảm phù hợp khoản 2 Điều 15 Nghị định số 85/2026/NĐ-CP.
Dự thảo quy định nguồn kinh phí thực hiện từ ngân sách tỉnh.	Khoản 2 Điều 15 Nghị định số 185/2026/NĐ-CP yêu cầu căn cứ khả năng cân đối ngân sách địa phương khi quy định mức phụ cấp, mức hỗ trợ.	Phù hợp về nguyên tắc , với điều kiện được bố trí trong dự toán ngân sách hàng năm theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước.	Giữ quy định; phối hợp cơ quan tài chính xác định và bố trí kinh phí trong dự toán ngân sách hàng năm.

3. Điều ước quốc tế có liên quan đến dự thảo

QUY ĐỊNH CỦA DỰ THẢO VĂN BẢN	QUY ĐỊNH CỦA ĐIỀU ƯỚC QUỐC TẾ CÓ LIÊN QUAN	ĐÁNH GIÁ (Tính tương thích)	ĐỀ XUẤT XỬ LÝ
Bổ sung chính sách hỗ trợ hàng tháng đối với người hoạt động không chuyên trách và người tham gia hoạt động ở thôn, tổ dân phố có quy mô số hộ gia đình từ 300% trở lên so với tiêu chuẩn quy định của Chính phủ.	Không có điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên có quy định trực tiếp về mức phụ cấp, mức hỗ trợ hoặc cơ chế tổ chức, hoạt động của người hoạt động không chuyên trách và người tham gia hoạt động ở thôn, tổ dân phố theo nội dung dự thảo.	Không phát sinh vấn đề về tính tương thích với điều ước quốc tế. Nội dung dự thảo thuộc lĩnh vực tổ chức, quản lý hành chính và chính sách của địa phương.	Không cần quy định nội dung riêng về điều ước quốc tế trong dự thảo; tiếp tục rà soát trong quá trình thẩm định nếu có văn bản quốc tế có liên quan trực tiếp được xác định.